

**CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

18 Trần Nguyễn Hân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN****13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết		31/12/2013	31/12/2012
	Thực tiếp	Thực tiếp và gián tiếp	Thực tiếp	Thực tiếp và gián tiếp	VND	VND
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	28,93%	28,93%	28,93%	28,93%	114.868.530.000	114.868.530.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn cầu	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	111.395.556.000	125.320.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Tân 3	30,07%	30,07%	30,07%	30,07%	67.607.700.000	44.950.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị điện Đông Anh	46,25%	46,25%	46,25%	46,25%	50.103.930.000	30.472.500.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực	41,98%	41,98%	41,98%	41,98%	10.200.000.000	10.200.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình					-	757.167.841.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hình (i)					-	517.058.350.850
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (i)					-	190.500.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (i)					-	280.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sẻ san 3A (i)					-	84.000.000.000
					<b>1.354.175.716.000</b>	<b>3.154.537.221.850</b>

(i) Phản ánh giá gốc các khoản đầu tư vào các công ty liên kết đã được bàn giao cho các Tổng Công ty Phát điện trong năm.

**CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**18 Trần Nguyễn Hãn, quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
<b><u>Góp vốn vào các công ty</u></b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (i)	859.483.283.017	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (ii)	-	64.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Lào (ii)	-	19.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện lực Việt Nam (ii)	-	5.000.000.000
Công ty Điện tử Việt Nhật	250.000.000	250.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Sài Gòn Vina	27.000.000.000	27.000.000.000
<b><u>Cho vay vốn</u></b>		
<b><u>Khởi Phát điện</u></b>		
Tổng Công ty Phát điện 1 và các Công ty thành viên	27.691.092.799.444	6.467.629.579.709
Tổng Công ty Phát điện 2 và các Công ty thành viên	21.280.864.373.505	19.495.551.050.290
Tổng Công ty Phát điện 3 và các Công ty thành viên	38.272.035.641.839	8.515.131.565.630
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	11.739.925.682.257	10.617.923.750.670
<b><u>Khởi truyền tải</u></b>		
Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	14.540.373.812.362	13.879.218.373.763
<b><u>Khởi phân phối</u></b>		
Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội	5.573.545.645	16.742.274.655
Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh	3.911.720.947	11.401.738.050
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và các Công ty thành viên	886.869.957.115	272.809.667.250
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung và các Công ty thành viên	344.718.511.307	276.668.924.968
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam và các Công ty thành viên	156.907.918.004	118.464.886.042
<b><u>Các đơn vị khác</u></b>		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4	413.093.945	10.407.803.733
<b>Trái phiếu chuyển đổi</b>	<b>-</b>	<b>23.429.750.000</b>
	<b><u>115.809.420.339.387</u></b>	<b><u>59.821.229.364.760</u></b>

(i) Số dư bao gồm 384.127.840.000 VND là giá trị cổ tức nhận bằng cổ phiếu thưởng lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 được ghi tăng trong năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC.

Trong năm 2013, Công ty mẹ đã thực hiện thoái vốn đầu tư tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình với khối lượng 25.200.000 cổ phiếu và giá bán 10.000 VND/cổ phiếu, do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình không còn là công ty liên kết của Công ty mẹ.

(ii) Phản ánh giá gốc các khoản đầu tư vào các công ty đã được bàn giao cho các Tổng Công ty Phát điện trong năm.

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>64.949.854.083.342</b>	<b>34.024.363.363.296</b>
Phát sinh tăng	12.161.618.459.901	47.303.179.799.934
Kết chuyển sang tài sản cố định	(7.851.964.165.946)	(16.377.689.079.888)
Bàn giao cho các công ty con	(37.466.477.876.429)	-
Giảm khác (i)	(53.402.740.187)	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b><u>31.739.627.760.681</u></b>	<b><u>64.949.854.083.342</u></b>

(i) Giảm theo hướng dẫn tại Thông tư số 195/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG (Tiếp theo)**

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, một số hạng mục xây dựng cơ bản được hình thành từ nguồn vốn vay đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	4.269.286.989.061	6.335.657.709.944
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20)	17.920.104.326.451	17.364.220.037.536
	<u><b>22.189.391.315.512</b></u>	<u><b>23.699.877.747.480</b></u>

(i) Khoản vay ngắn hạn chủ yếu phản ánh:

- Khoản vay không có bảo đảm từ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại số tiền 2.000 tỷ VND với thời hạn dưới 1 năm và lãi suất 9,125%/năm.

- Khoản vay không có bảo đảm từ các tổ chức tín dụng khác với số tiền 2.269 tỷ VND với thời hạn dưới 1 năm, lãi suất từ 10,5% - 12,25%/năm.

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	154.015.382.587	166.798.188.689
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.116.677.960
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.644.310.149	1.515.109.967
Thuế tài nguyên	71.627.930.629	65.855.643.087
Thuế thu nhập cá nhân	4.794.304.873	12.627.135.158
Các loại thuế khác	153.341.991.545	245.536.981.585
	<u><b>386.423.919.783</b></u>	<u><b>496.449.736.446</b></u>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

Số dư khoản phải trả khác chủ yếu phản ánh giá trị khoản công nợ phải trả Tổng Công ty Điện lực Dầu khí cho phần nhiên liệu khí vượt bao tiêu.

**19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>96.008.481.611</b>	<b>129.814.863.402</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>174.731.869.213</b>	<b>12.150.269.351</b>
Trích từ lợi nhuận	165.026.400.500	145.132.000
Trích từ chênh lệch thu chi	8.693.795.113	11.390.649.700
Nhận từ đơn vị bên ngoài	106.515.000	-
Các nguyên nhân khác	905.158.600	614.487.651
<b>Giảm trong năm</b>	<b>49.118.678.221</b>	<b>45.956.651.142</b>
Chi tiêu theo quy định	43.748.440.651	44.097.241.200
Trích hao mòn tài sản cố định	-	144.246.589
Điều chuyển cho các Công ty thuộc EVN	5.227.784.588	1.641.000.000
Các nguyên nhân khác	142.452.982	74.163.353
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<u><b>221.621.672.603</b></u>	<u><b>96.008.481.611</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Các khoản vay dài hạn được chi tiết tại các đơn vị vay như sau:

Đơn vị	Số ngày dư tại ngày 31/12/2013		Số dư tại ngày 31/12/2012	
	Vay dài hạn đến hạn trả		Vay dài hạn đến hạn trả	
	Vay dài hạn VND	hạn trả VND	Vay dài hạn VND	hạn trả VND
Tập đoàn Điện lực	114.694.603.523.110	7.792.166.362.103	81.504.957.320.414	6.248.578.006.579
Phát hành trái phiếu EVN	7.000.000.000.000	4.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-
Công ty Thủy điện Trị An	3.134.105.605	3.134.106.029	6.187.945.228	3.093.972.823
Công ty Thủy điện Quảng Trị	-	-	284.267.619.629	53.630.600.000
BQLDA Nhiệt điện Ô Môn	-	-	1.171.808.100.541	101.689.446.195
BQLDA Thủy điện Sơn La	27.638.059.933.542	5.064.178.297.729	25.910.085.261.837	5.552.176.583.674
BQLDA Nhiệt điện 1	-	-	1.402.980.466.056	314.850.290.000
BQLDA Nhiệt điện 2	14.781.634.947.442	204.284.773.327	15.334.414.638.904	5.000.000.000
BQLDA Nhiệt điện 3	-	-	911.785.108.822	175.661.191.860
BQLDA Thủy điện 1	-	73.570.219.420	6.184.410.633.187	854.514.590.062
BQLDA Thủy điện 2	-	-	1.314.592.720.217	398.140.000.000
BQLDA Thủy điện 3	-	-	2.087.878.949.474	359.368.410.822
BQLDA Thủy điện 4	3.101.485.195.794	782.770.567.843	3.895.159.279.234	860.011.659.271
BQLDA Thủy điện 5	-	-	3.615.192.740.899	860.260.799.485
BQLDA Thủy điện 6	-	-	9.028.426.138.462	1.186.182.407.946
BQLDA Thủy điện 7	-	-	1.490.609.989.657	381.062.078.819
BQLDA Thủy điện Sông Bung 2	-	-	1.103.685.500.000	-
BQLDA Thủy điện Thác Mơ rộng	17.342.498.679	-	16.881.076.357	-
BQLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	-	-	135.426.802.780	-
BQLDA Thủy điện Sông Bung 4	-	-	555.322.819.290	-
BQLDA Nhiệt điện Uông Bí mở rộng	-	-	2.243.090.603	10.000.000.000
BQLDA Nhiệt điện Ninh Bình 2	30.833.387.387	-	32.960.864.463	-
	<b>167.267.093.591.559</b>	<b>17.920.104.326.451</b>	<b>166.989.277.066.054</b>	<b>17.364.220.037.536</b>

Các khoản vay dài hạn của Công ty mẹ bao gồm các khoản chính như sau:

- Các khoản vay lại của Tập đoàn từ Bộ Tài chính là các khoản vay bằng ngoại tệ từ các tổ chức nước ngoài theo các Hiệp định vay của Chính phủ Việt Nam. Phần lớn các khoản vay này có lãi suất thả nổi và được bảo lãnh thanh toán bởi Chính phủ Việt Nam. Theo yêu cầu của các Hiệp định cho vay, các tổ chức đi vay phải đảm bảo một số yêu cầu về chỉ tiêu tài chính trên cơ sở các số liệu của báo cáo tài chính lập theo các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế (IFRS). Cụ thể như sau:

	Yêu cầu
Tỷ suất tự tài trợ	Lớn hơn hoặc bằng 30%
Hệ số thanh toán nợ vay	Lớn hơn hoặc bằng 1,5 lần
Hệ số nguồn nợ vay/vốn	Nhỏ hơn hoặc bằng 70/30

Trong trường hợp Tập đoàn không đạt được các chỉ tiêu trên, Tập đoàn cần phải thực hiện các biện pháp cần thiết, bao gồm (nhưng không giới hạn) việc thay đổi cơ cấu giá điện theo phê duyệt của Chính phủ để đạt được các chỉ tiêu này trong tương lai.

- Các khoản vay trái phiếu phản ánh giá trị trái phiếu phát hành trong các năm 2006, 2009 và 2010 được sử dụng để tài trợ cho các công trình nguồn điện. Trái phiếu có các thời hạn 5 năm và 10 năm với mức lãi suất biến động theo thông báo của Ngân hàng phát hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- Các khoản vay từ các tổ chức tài chính, nhận lại nợ vay các đơn vị khác bằng VND hoặc ngoại tệ. Phần lớn các khoản vay này có lãi suất thả nổi và tài sản đảm bảo (nếu có) là các tài sản hình thành từ vốn vay, các tài sản khác (bao gồm hàng tồn kho, giá trị đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định) và các quyền lợi khác.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	17.920.104.326.451	17.364.220.037.536
Trong năm thứ hai	17.219.276.283.548	22.154.525.775.317
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	45.459.474.468.261	64.136.606.984.828
Sau năm năm	<u>104.588.342.839.750</u>	<u>80.698.144.305.909</u>
	<b>185.187.197.918.010</b>	<b>184.353.497.103.590</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày ở phần nợ ngắn hạn) (xem Thuyết minh số 16)	17.920.104.326.451	17.364.220.037.536
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>167.267.093.591.559</b></u>	<u><b>166.989.277.066.054</b></u>

Tổng chi phí lãi vay đã vốn hóa trong năm là khoảng 343 tỷ VND (năm 2012: 5.853 tỷ VND), tương ứng với tỷ lệ lãi vay vốn hóa bình quân trong năm là khoảng 0,18%/năm (năm 2012: 3,24%/năm). Lãi suất bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 5,57%/năm (năm 2012: 4,6%/năm).

**21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN**

Số dư tại 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản công nợ tiền điện quá hạn Công ty mẹ phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Trong năm 2013, Công ty mẹ đã thanh toán cho đơn vị này với số tiền khoảng 2.600 tỷ VND, số dư khoảng 7.000 tỷ VND được trình bày trên khoản mục vay dài hạn theo hợp đồng vay ký kết giữa Công ty mẹ và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

**22. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>128.010.365.845.190</b>	<b>61.769.506.477.621</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>5.679.040.621.290</b>	<b>66.381.995.842.013</b>
Chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển	25.877.876.536	56.080.724.735
Ngân sách cấp	10.956.918.465	-
Nhận từ Tập đoàn Viễn thông Quân đội	6.078.478.407	-
Đánh giá lại tài sản tại Công ty mẹ	-	19.550.094.674.385
Đánh giá lại tài sản tại các Công ty con	-	44.083.282.071.155
Vốn tăng tại các công ty con	3.063.384.814.024	1.839.059.251.344
Tăng từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	612.204.601.537	500.297.456.454
Điều chỉnh quyết toán vốn đầu tư	1.959.391.545.776	301.364.625.668
Nhận bàn giao Trung tâm Công nghệ Thông tin	-	40.488.277.296
Các nguyên nhân khác	1.146.386.545	11.328.760.976
<b>Giảm trong năm</b>	<b>10.084.172.756</b>	<b>141.136.474.444</b>
Cấp vốn cho các đơn vị	10.084.172.756	121.737.155.644
Điều động nội bộ	-	19.399.318.800
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<u><b>133.679.322.293.724</b></u>	<u><b>128.010.365.845.190</b></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư vốn chủ sở hữu (Vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản) của Công ty mẹ lớn hơn vốn điều lệ với số tiền khoảng 6.843 tỷ VND. Công ty mẹ đang lập đề án trình các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề xuất phương án tăng vốn điều lệ theo lộ trình tăng vốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**23. CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>(1.843.298.616.605)</b>	<b>(7.268.056.637.966)</b>
Đánh giá chênh lệch tỷ giá trong năm	2.498.928.063.767	2.576.405.840.373
Chênh lệch tỷ giá chuyển cho các công ty con	3.645.656.169.883	-
Kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(89.891.063.499)	2.848.352.180.988
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>4.211.394.553.546</b>	<b>(1.843.298.616.605)</b>

**24. QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>744.691.744.221</b>	<b>746.402.505.993</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>1.743.478.624.078</b>	<b>56.677.303.263</b>
Trích từ lợi nhuận	2.303.460.024	-
Trích từ chênh lệch thu chi	52.725.740.571	30.572.173.069
Tăng từ quỹ dự phòng tài chính	769.840.946.927	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	25.358.526
Các nguyên nhân khác	-	188.021.127
Đầu tư vào các công ty con	918.608.476.556	25.891.750.541
<b>Giảm trong năm</b>	<b>36.692.248.390</b>	<b>58.388.065.035</b>
Chi tiêu theo quy định	-	-
Điều chuyển cho các Công ty thuộc EVN	8.931.420.262	-
Chuyển sang nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.877.876.536	56.080.724.735
Các nguyên nhân khác	1.882.951.592	2.307.340.300
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>2.451.478.119.909</b>	<b>744.691.744.221</b>

**25. QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>769.852.042.712</b>	<b>769.737.886.798</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>-</b>	<b>114.155.914</b>
Tăng do điều chuyển các trường về Công ty mẹ	-	114.155.914
<b>Giảm trong năm</b>	<b>769.852.042.712</b>	<b>-</b>
Kết chuyển về quỹ đầu tư phát triển	769.840.946.927	-
Các nguyên nhân khác	11.095.785	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>-</b>	<b>769.852.042.712</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**26. LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI/(LỖ LŨY KẾ)**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>(7.972.522.844.834)</b>	<b>(8.077.081.016.034)</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>8.239.408.204.707</b>	<b>105.667.033.615</b>
Lợi nhuận sau thuế	8.239.129.098.404	105.545.684.051
Các nguyên nhân khác	279.106.303	121.349.564
<b>Giảm trong năm</b>	<b>176.952.651.773</b>	<b>1.108.862.415</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển	2.303.460.024	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	165.026.400.500	145.132.000
Bổ sung nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	24.142.450
Bàn giao số liệu cho các Tổng Công ty phát điện	8.844.374.639	-
Các nguyên nhân khác	778.416.610	939.587.965
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>89.932.708.100</b>	<b>(7.972.522.844.834)</b>

Trong năm 2013, Tập đoàn đã tạm trích khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 167.329.860.524 VND vào các quỹ theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**27. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>16.439.260.459.253</b>	<b>16.686.430.109.743</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>1.374.301.526.829</b>	<b>254.577.339.500</b>
Ngân sách cấp	205.943.756.777	11.167.054.379
Bổ sung từ lợi nhuận sau thuế	-	24.142.450
Chuyển từ quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	7.281.892.270
Tăng vốn tại các Công ty con	1.168.352.680.398	235.682.768.871
Nguyên nhân khác	5.089.654	421.481.530
<b>Giảm trong năm</b>	<b>3.696.980.302.130</b>	<b>501.746.989.990</b>
Chuyển sang nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	612.204.601.537	500.297.456.454
Chuyển giao cho Công ty con	3.084.754.978.308	-
Các nguyên nhân khác	20.722.285	1.449.533.536
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>14.116.581.683.952</b>	<b>16.439.260.459.253</b>

**28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Doanh thu tiêu thụ điện	137.214.698.660.951	113.635.741.024.225
Sửa chữa, thí nghiệm điện	3.094.260.584	2.198.601.142
Doanh thu sản phẩm khác	19.177.697.615	13.680.269.875
Nhà khách, khách sạn	7.368.011.188	5.311.973.147
Dịch vụ khác	64.606.808.545	55.532.219.913
Công nghệ thông tin	27.855.026.510	9.524.954.761
	<b>137.336.800.465.393</b>	<b>113.721.989.043.063</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Giá vốn tiêu thụ điện	129.974.667.284.335	102.640.170.835.511
Sửa chữa, thí nghiệm điện	2.757.141.593	1.979.876.157
Giá vốn sản phẩm khác	17.470.636.210	12.120.747.283
Nhà khách, khách sạn	6.793.778.984	5.217.079.721
Dịch vụ khác	59.845.889.491	52.132.062.377
Công nghệ thông tin	26.542.579.038	3.592.859.767
	<u><b>130.088.077.309.651</b></u>	<u><b>102.715.213.460.816</b></u>

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm số tiền khoảng 1.097 tỷ VND (năm 2012: 3.384 tỷ VND) tiền chi phí nhiên liệu khí tương ứng với lượng khí sử dụng vượt định mức bao tiêu phải trả thêm cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo hướng dẫn tại các Văn bản số 844/TTg-KTN ngày 01 tháng 6 năm 2009 và Văn bản số 1151/TTg-KTN ngày 07 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 119/KĐN-TM của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ ngày 24 tháng 01 năm 2014 về việc quyết toán tiền khí vượt mức bao tiêu.

**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.990.050.861.835	3.436.699.248.603
Lợi nhuận từ các đơn vị thành viên nộp về	10.055.052.783	347.046.215.811
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	1.054.105.985.981	301.979.914.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	316.287.060.607	1.544.998.973.680
Lãi từ chuyển nhượng cổ phiếu	298.004.140.000	73.900.610
	<u><b>8.668.503.101.206</b></u>	<u><b>5.630.798.252.704</b></u>

(i) Tập đoàn áp dụng việc ghi nhận doanh thu tài chính từ cổ tức nhận bằng cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 220/2013/TT-BTC (“Thông tư 220”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2013. Theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính với số tiền là khoảng 456 tỷ VND là các khoản cổ tức nhận bằng cổ phiếu lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo mệnh giá các cổ phiếu này.

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay, trái phiếu phát hành	10.061.961.655.472	8.306.648.054.275
Lỗ chênh lệch tỷ giá	219.268.640.269	4.470.003.530.203
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3.682.949.005.587)	3.235.824.298.251
Giá vốn cổ phiếu chuyển nhượng (i)	301.105.469.698	-
	<u><b>6.899.386.759.852</b></u>	<u><b>16.012.475.882.729</b></u>

(i) Số dư khoản mục này phản ánh giá vốn của hoạt động chuyển nhượng cổ phiếu do Công ty mẹ đầu tư và được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2013.

0 -  
 TY  
 HỮU H  
 TE  
 AM  
 HA



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

(i) Ngày 18 tháng 8 năm 2011, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nhận được Văn bản số 2605/ĐLDK-TM của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) đề nghị EVN xem xét, có ý kiến thống nhất với PV Power về việc điều chỉnh cước phí vận chuyển Phú Mỹ - Nhơn Trạch của hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 từ đơn giá tạm tính là 0,15 USD/triệu BTU lên 0,46 USD/triệu BTU. Đơn giá đề nghị điều chỉnh này áp dụng từ ngày 21 tháng 5 năm 2008 là thời điểm Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 bắt đầu nhận khí. Ngày 29 tháng 12 năm 2011, Công ty mẹ có Công văn số 4867/EVN-TCKT-KTSX gửi Bộ Công thương về việc EVN không có đủ cơ sở thống nhất về mức phí vận chuyển trên với PVN do PVN chưa cung cấp đủ tài liệu và các dữ liệu tính toán. Ngày 29 tháng 02 năm 2012, Bộ Công thương có Công văn số 1458/BCT-ĐTDL yêu cầu hai bên tiếp tục đàm phán cước phí vận chuyển Phú Mỹ - Nhơn Trạch. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, chưa có kết luận cuối cùng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo đó, Công ty mẹ chưa ghi nhận bất kỳ điều chỉnh nào trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 liên quan đến sự kiện này.

(ii) Dự án Nhiệt điện Uông Bí mở rộng 1 được Thủ tướng Chính phủ giao cho Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama) làm tổng thầu theo hình thức tổng thầu EPC với tổng giá trị hợp đồng là 245.012.695 USD và 285.011.000.000 VND. Theo hợp đồng EPC có hiệu lực ngày 10 tháng 6 năm 2013 thì gói thầu phải hoàn thành cấp giấy chứng chỉ nghiệm thu tạm thời (PAC) sau 36 tháng. Tuy nhiên, trên thực tế ngày 26 tháng 11 năm 2009, gói thầu mới được nghiệm thu cho phép đưa vào vận hành thương mại và cấp giấy chứng chỉ nghiệm thu tạm thời (PAC). Đến ngày 24 tháng 9 năm 2013, EVN đã phát hành Chứng chỉ nghiệm thu cuối cùng, có điều kiện (FAC có điều kiện) theo chỉ đạo của Chính phủ tại Văn bản số 779/TTg-KTN ngày 03 tháng 6 năm 2013 mặc dù lò hơi chưa được hiệu chỉnh đảm bảo đúng các yêu cầu của hợp đồng. Như vậy, Dự án bị chậm tiến độ so với hợp đồng và phát sinh các chi phí tại Lilama là các khoản tiền phạt chậm tiến độ hợp đồng. Công ty mẹ, đơn vị tư vấn và Lilama đã thảo luận để xác định nguyên nhân và trách nhiệm của mỗi bên về việc chậm trễ tiến độ nhưng chưa có ý kiến thống nhất.

Ngày 14 tháng 10 năm 2013, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 8587/TB-VPCP, ngày 23 tháng 9 năm 2013, Bộ Công thương có Công văn số 8560/BTC-TCNL về vấn đề này, theo đó các chi phí phát sinh liên quan đến Dự án này sau khi xác định được cụ thể sẽ được báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét giải quyết. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, chưa có quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ nên Công ty mẹ chưa ghi nhận bất kỳ điều chỉnh nào trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 liên quan đến sự kiện này.

(iii) Theo hướng dẫn tại Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT do Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành ngày 06 tháng 5 năm 2013, tổng diện tích rừng trồng bù tại các dự án thủy điện do EVN là chủ đầu tư hoặc có cổ phần chi phối theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường khoảng 9.660 ha. Hiện nay, EVN đang chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác trồng rừng thay thế theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Các dự án thủy điện Sông Hinh, Quảng Trị, A Vương, Sông Ba Hạ, Sông Bung 4, Bản Vẽ, Sông Tranh 2 đã và đang thực hiện, các dự án còn lại đang chờ quy hoạch của Ủy ban Nhân dân các tỉnh. Theo đó, Công ty mẹ chưa có bất kỳ điều chỉnh nào trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 liên quan đến vấn đề này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (Tiếp theo)**

- (iv) Theo hướng dẫn tại các Văn bản số 844/TTg-KTN ngày 01 tháng 6 năm 2009, Văn bản số 1151/TTg-KTN ngày 07 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 119/KĐN-TM ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Công ty Vận chuyên khí Đông Nam Bộ - đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần về việc quyết toán tiền khí vượt mức bao tiêu, Công ty mẹ đã tạm ghi nhận chi phí này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty mẹ và Công ty Vận chuyên khí Đông Nam Bộ vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về phương án tính giá trị khối lượng khí vượt mức bao tiêu. Theo đó, chi phí này có thể thay đổi tùy thuộc vào thỏa thuận giữa hai bên và phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- (v) Theo hợp đồng mua bán điện từ Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ngày 09 tháng 7 năm 2012, chi phí vận hành và bảo dưỡng hiện đang được ghi nhận theo giá tạm tính. Ngày 10 tháng 3 năm 2014, Bộ Công thương có Công văn số 1765/BTC-ĐTĐL về việc điều chỉnh chi phí vận hành và bảo dưỡng nhà máy điện Nhơn Trạch 1 trả lời Công văn số 4243/EVN-TTĐ ngày 06 tháng 11 năm 2013 của EVN và Công văn số 1085/DHVN-TMTT ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về phê duyệt chi phí vận hành bảo dưỡng chính thức của Nhà máy điện Nhơn Trạch 1. Theo đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và PV Power cần phối hợp tính toán cụ thể đơn giá vận hành bảo dưỡng và chi phí thanh toán bổ sung cho giai đoạn từ ngày 30 tháng 6 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Theo đó, chi phí này có thể thay đổi tùy thuộc vào thỏa thuận giữa hai bên và phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**33. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**Cam kết vốn đầu tư**

Theo kế hoạch đầu tư xây dựng, trong năm 2013, Công ty mẹ sẽ đầu tư khoảng 12.846 tỷ VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác.

**Cam kết mua điện**

Công ty mẹ đã ký kết hợp đồng mua bán điện với các công ty ngoài Tập đoàn với tổng sản lượng điện mua trong năm 2014 là khoảng 78.051 triệu kWh.

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty mẹ quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty mẹ có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Nhà nước thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty mẹ gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Nhà nước (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).